TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2022
"*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

***Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Chau Khon Sốc;

2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Néang Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 236/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc " *Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 17, ấp Tân Bình, xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn T H, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 17, ấp Tân Bình, xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tri Tôn; địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải tại Tòa án nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày: Vào năm 2007 bà và ông H quen biết nhau do tự tìm hiểu, chúng tôi có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn số 75, ngày 21/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra

mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cải, chồng hay đA đập do ghen tuông nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn bà T yêu cầu được ly hôn ông H.

Về con chung: Bà T và ông H thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 2008 và Nguyễn Võ Bảo T2, sinh ngày 29/11/2013. Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án ngày 15/8/2022 bà T có thay đổi ý kiến là tùy theo nguyện vọng của hai con muốn sống với ai thì người đó nuôi, nếu ở với bà thì bà nuôi và không yêu cầu ông H cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng để nuôi hai đứa con chung nữa mà bà không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, về nợ chung: Theo biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 8 năm 2022 bà xin rút lại yêu cầu ông H trả nợ Ngân hàng, về tài sản chung vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 06/7/2022 và biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn T H trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà T về điều kiện đi đến hôn nhân và thời gian kết hôn về nguyên nhân ly hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Nhưng bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông H đồng ý theo nguyện vọng của hai con là giao cho bà T nuôi dưỡng và ông không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của bà T mà tùy theo khả năng của ông.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tri Tôn (Ngân hàng): Tòa án đã tiến hành đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho người liên quan Ngân hàng. Tuy nhiên, Ngân hàng vẫn không tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa bà T và ông H nhưng không thành.

Tại phiên tòa bà T và ông H thống nhất thuận tình ly hôn và ông H đồng ý giao hai đứa con cho bà T nuôi dưỡng ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên thống nhất về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bà T rút lại yêu cầu trả nợ Ngân hàng không yêu cầu giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân, nơi cư trú của anh H.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 98 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên hồ sơ gửi Viện kiểm sát nghiên cứu trễ hạn hai ngày theo quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận cho ly hôn. Về con chung thống nhất theo thỏa thuận giao hai con chung cho bà T nuôi dạy, ông H không pH cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét. Riêng về nợ chung bà T xin rút lại yêu cầu trả nợ đối với Ngân hàng chính sách nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn T H có địa chỉ tại tổ 17, ấp Tân Bình, xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tri Tôn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản thông báo thụ lý, thông báo tham gia phiên họp và hòa giải, Quyết định xét xử tại Tòa án nhưng Ngân hàng đều vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho Ngân hàng vẫn vắng mặt lần hai. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà T và ông H quen biết nhau do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới khi đủ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn số 75, ngày 21/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, do đó đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình.

Bà T và ông H đều thống nhất mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cải, nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Tại phiên tòa bà T vẫn cương quyết xin ly hôn nên ông H đã thống nhất ly hôn. Điều này chứng tỏ vợ chồng có mâu thuẫn nên cuộc sống hôn nhân

không hạnh phúc, nên công nhận sự thuận tình ly hôn phù hợp theo Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông H thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 2008 và Nguyễn Võ Bảo T2, sinh ngày 29/11/2013.

Căn cứ vào sự thỏa thuận giữa vợ chồng thống nhất tại phiên tòa: Ông H đồng ý giao hai cháu A và cháu T2 cho bà T tiếp tục nuôi dạy và ông H không cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu. Đồng thời tại hai biên bản tự khai ngày 06/7/2022 của cháu A và cháu T2 đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ.

Do đó, xét thấy để đảm bảo cho môi trường sống của hai cháu được ổn định thì giao cháu A và cháu T2 cho bà T được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà T yêu cầu ông H liên đới cùng trả nợ Ngân hàng chính sách huyện Tri Tôn với số nợ là 50.000.000 đồng, nay bà xin rút lại yêu cầu. Xét thấy việc rút lại yêu cầu trả nợ chung của bà T là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 70, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả nợ chung của bà T đối với ông H.

[6] Về án phí: Bà T khởi kiện xin ly hôn nên pH chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch.

Ông H không pH chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 55, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 70, Điều 144, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị T và ông Nguyễn T H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 75, ngày 21/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà T và ông H thống nhất. Bà T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 2008 và Nguyễn Võ Bảo T2, sinh ngày 29/11/2013 ông H không pH cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả nợ chung của bà T đối với ông H.

Về án phí: Bà Võ Thị T pH chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008435 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Ông H không pH chịu án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền